TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 85/2022/HNGĐ - ST
Ngày 14-6-2022
"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Liêm; Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm C khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 176/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 215/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh thị Mỹ T, sinh năm 2001

Địa chỉ: Số 171/4, tổ 4, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 55/3, tổ 7, khóm Tây Khánh 7, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2022 và quá trình xét xử, nguyên đơn Huỳnh thị Mỹ T trình bày:

Năm 2020, bà Mỹ T và ông C quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến

hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 147 ngày 07/9/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C không có trách nhiệm với gia đình, thường uống rượu về nhà gây chuyện bạo hành gia đình nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, bà Mỹ T yêu cầu được ly hôn với ông C, vì cả hai có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/9/2020, con đang được ông C chăm sóc, nuôi dưỡng nên bà T đồng ý để cho ông C được tiếp tục nuôi con và tự nguyên cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000đ. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2022, bị đơn Nguyễn Văn C trình bày: Ông thống nhất vời bà Mỹ T về thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến hôn nhân. Sau khi kết hôn, ông và bà Mỹ T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi, bà Mỹ T có thái độ không tôn trọng nên ông C có bạt tay bà T 01 lần, sau đó bà T bỏ về nhà cha, mẹ đẻ sống đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng nên ông C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Mỹ T, vì ông còn yêu thương vợ, con. Về con chung: Thống nhất có 01 con chung Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/9/2020, hiện ông C đang nuôi con và yêu cầu được tiếp tục nuôi con trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mỹ T. Yêu cầu bà Mỹ T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000đ. Về tài sản chung, nợ chung: ông và Mỹ T tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự tại bản tự khai, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 147 ngày 07/9/2020 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bị đơn không đồng ý kiến, yêu cầu được hàn gắn quan hệ vợ chồng để lo cho con.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng và chia sẻ nhau những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng và thừa nhận có mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng nhưng phía bị đơn cho rằng mâu thuẫn không trầm trọng và không đồng ý ly hôn nên Tòa án đã để tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hàn gắn tình cảm vợ chồng, xoa dịu những mâu thuẫn với nguyên đơn nhưng không có kết quả, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét về tình nghĩa vợ chồng thì cả hai không chung sống nên không còn nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các C việc trong gia đình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/9/2020. Ông C đang chăm sóc, nuôi dưỡng và có yêu cầu được tiếp tục nuôi con và được bà Mỹ T đồng ý. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học hành cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh của người trực tiếp nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao quyền cho ông C được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông C cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Mỹ T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà Mỹ T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (14/6/2022) cho đến khi con trưởng thành, khỏe mạnh, có khả năng lao động.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh thị Mỹ T đối với bị đơn Nguyễn Văn C.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C. Quan hệ hôn nhân giữa bà Mỹ T và ông C chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Ông C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/9/2020. Ông C cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Mỹ T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng: Bà Mỹ T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (14/6/2022) cho đến khi con trưởng thành, khỏe mạnh, có khả năng lao động.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xét đến.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn Huỳnh thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001214 ngày 04/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

Nguyên đơn Huỳnh thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- VKSND Tp.Long Xuyên;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường M, TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam